

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

HÀ THỊ LAN ANH

**QUẢN LÝ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH
TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT
TRIỂN BỀN VỮNG TẠI HUYỆN NINH GIANG,
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP
THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ**

Mã số: 8310110

HẢI DƯƠNG, 2025

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

**Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. PHẠM ĐỨC MINH
2. TS. LÊ THỊ NGUYỆT**

Phản biện 1: PGS.TS. Trần Trung Tuấn
Phản biện 2: TS. Trần Thị Phương Dịu

Đề án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ quản lý kinh tế họp tại Hải Dương vào ngày 19 tháng 4 năm 2025

Có thể tìm hiểu đề án tại:
- Thư viện trường Đại học Hải Dương

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề án

Sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, với sự nỗ lực cao của Chính phủ, các bộ ngành đặc biệt là sự quan tâm, lãnh đạo đúng đắn của Đảng nền kinh tế nông nghiệp nông thôn nước ta đã ngày càng phát triển, tăng trưởng nhanh và đạt được nhiều thành tựu to lớn nhất định, giá trị sản xuất, giá trị xuất khẩu tăng trưởng nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển đổi tích cực, đảm bảo an ninh lương thực thực phẩm quốc gia, đời sống nhân dân được nâng cao.

Là công chức đã công tác nhiều năm tại phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Ninh Giang, nhận thấy vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của huyện còn cần nghiên cứu, trao đổi, trong khi đó cũng chưa có đề tài nào nghiên cứu cụ thể vấn đề này ở huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Xuất phát từ vấn đề quan trọng trên, tác giả đã chọn đề án “ *Quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương*” là đề tài đề án thạc sỹ quản lý kinh tế.

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu

GS, TS, NGND Trần Đức Viên và cộng sự (2024) Phát triển bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân sau gần 40 năm đổi mới. Tạp chí Cộng sản điện tử.

ThS Cán Thị Thuỳ Linh (2021) Đẩy mạnh chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp từ thực tiễn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Tạp chí Công thương điện tử.

Đỗ Thị Mai (2019), *Quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại huyện Mê Linh thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia.

Trần Thị Hạnh Nguyên (2019), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn thạc sĩ kinh tế nông nghiệp, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.

Ngô Trần Hỷ (2018), *Quản lý nhà nước đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện An Biên tỉnh Kiên Giang*, Luận văn thạc sĩ quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia.

Trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những giá trị mà các công trình đã công bố về lý luận và thực tiễn, đồng thời tiến hành khảo sát thực tế trên địa bàn huyện Ninh Giang, học viên có đưa ra được hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn trong quản lý về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

3. Mục tiêu của đề án:

3.1. Mục tiêu chung:

Đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại huyện Ninh Giang giai đoạn 2021- 2024, đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.
- Đánh giá thực trạng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tìm ra những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn.
- Đề xuất một số giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề án

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề án là quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung nghiên cứu*: Đề án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng và các giải pháp quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang.

- *Về phạm vi không gian nghiên cứu*: Tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- *Về thời gian nghiên cứu*: Đề án thu thập các dữ liệu trong giai đoạn 2021-2024, đề xuất phương hướng, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp thu thập dữ liệu

- Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp.

5.2 Phương pháp xử lý dữ liệu

Đề án sử dụng phương pháp tổng hợp, so sánh.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án

6.1 Ý nghĩa khoa học

Sau khi nghiên cứu thành công, đề án sẽ góp phần làm rõ thêm các vấn đề lý luận về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp;

6.2 Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu về thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, là cơ sở đề xuất được những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại huyện Ninh Giang.

7. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung đề án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn quản lý chuyển dịch cơ

cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững cấp huyện.

Chương 2. Thực trạng quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Chương 3: Đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN QUẢN LÝ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.1 Khái niệm, vai trò, điều kiện quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững.

1.1.1 Khái niệm

a. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

**** Cơ cấu kinh tế.***

- Khái niệm cơ cấu kinh tế là tổng thể các mối quan hệ chủ yếu về chất lượng và số lượng tương đối ổn định của các yếu tố, các bộ phận của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong hệ thống tái sản xuất xã hội trong những điều kiện kinh tế xã hội, trong những không gian, thời gian nhất định.

**** Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn***

+ Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn là tổng thể các mối quan hệ các yếu tố hợp thành nền nông nghiệp theo những quan hệ tỷ lệ nhất định và có sự tác động lẫn nhau, gắn liền với những điều kiện lịch sử cụ thể, nhằm thực hiện có hiệu quả những mục tiêu đã được xác định.

**** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.***

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: chuyển dịch cơ cấu kinh tế là quá trình tác động có hướng của các chủ thể quản lý kinh tế, nhằm biến đổi từ một cơ cấu kinh tế lạc hậu, kém hiệu quả sang một cơ cấu kinh tế mới hợp lý hơn, tiến bộ hơn, hiệu quả hơn. Đó là quá trình tác động liên tục, tổng hợp trên nhiều phương diện ở cả cấp vĩ mô và vi mô.

b. Quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

** Quản lý nhà nước*

Quản lý nhà nước là một dạng quản lý xã hội đặc biệt, mang tính quyền lực nhà nước và sử dụng pháp luật nhà nước để điều chỉnh hành vi hoạt động của con người trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội do các cơ quan trong Bộ máy nhà nước thực hiện, nhằm thỏa mãn nhu cầu hợp pháp của con người, duy trì sự ổn định và phát triển của xã hội.

** Quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp*

Quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự tác động của Nhà nước đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế làm biến đổi về lượng, thay đổi mối quan hệ về chất của các bộ phận hợp thành cơ cấu kinh tế, tạo nên một cơ cấu kinh tế phù hợp theo định hướng nhằm đạt mục tiêu mà Nhà nước đề ra.

c. Phát triển bền vững

Phát triển bền vững trong lĩnh vực Nông - Lâm - Ngư là bảo tồn đất đai, nguồn nước, các nguồn di truyền động thực vật, là môi trường không suy thoái, kỹ thuật phù hợp, kinh tế phát triển và một xã hội chấp nhận được (FAO, 1991)

1.1.2 Sự cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông

Qua thực tế ra nhận thấy nông nghiệp, nông thôn Việt Nam còn một mặt yếu cơ bản như:

+ Chưa khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, chưa thực sự khai thác hết lợi thế so sánh của từng vùng để tạo ra các sản phẩm có lợi ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

+ Lực lượng lao động nông thôn dồi dào nhưng thiếu trình độ, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo còn cao.

+ Trình độ ứng dụng khoa học trong nhiều lĩnh vực nông nghiệp còn thấp về năng xuất, chất lượng dẫn đến khả năng cạnh tranh của đa số hàng nông sản khó cạnh tranh tiêu thụ trên thị trường.

+ Thị trường tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn, ở trong nước thì “được mùa rớt giá”, thị trường nước ngoài không ổn định.

+ Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống cho người nông dân còn yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, sản xuất theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Trước thực trạng nông nghiệp và nông thôn Việt Nam hiện nay, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng phát triển bền vững sẽ giúp cho nông nghiệp nông thôn có bước phát triển nhanh, vững chắc, đạt được các mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đề ra, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hoá.

1.1.3 Vai trò quản lý trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Quản lý nhà nước nói chung hay quản lý nhà nước trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng đều có vai trò hết sức to lớn. Quản lý nhà nước thông qua các hoạt động quản lý, các công cụ chính sách kinh tế xã hội sẽ đưa cơ cấu kinh tế nông nghiệp tăng trưởng theo hướng bền vững hơn tạo ra năng suất cao hơn cho nền nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân.

1.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1.2.1 Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

a. Nhóm nhân tố thuộc về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.

Sự tác động của nhóm nhân tố điều kiện tự nhiên mang tính thường xuyên và có tính quyết định đối với cơ cấu cũng như sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, trước hết là cơ cấu ngành. Trong điều kiện tự nhiên, nhân tố thời tiết khí hậu, nguồn nước có tầm quan trọng đặc biệt, đồng thời cũng thường xuyên gây nên những rủi ro đối với sản xuất nông nghiệp.

b. Nhóm nhân tố kinh tế

Nhóm nhân tố này bao gồm nhiều loại:

Một là, nhân tố lực lượng lao động

Hai là, nhân tố cơ sở vật chất kỹ thuật.

Ba là, nhân tố vốn đầu tư.

Bốn là, nhân tố thị trường.

c. Nhóm nhân tố văn hoá - xã hội, chính trị .

- *Nhân tố văn hoá - xã hội:* Việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp gắn với nông thôn, trong khi đó ở nông thôn còn nhiều phong tục tập quán, lối sống bảo thủ, lạc hậu.

- *Về nhân tố chính trị:* Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá cần có sự ổn định chính trị - xã hội.

d. Các yếu tố liên quan đến công tác quản lý

- Định hướng của nhà quản lý.

- Các công cụ quản lý: gồm chính sách, nguồn nhân lực, bộ máy,....

- Vốn đầu tư: Vốn đầu tư cũng là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội : Các yếu tố của kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính - viễn thông...

là điều kiện, là tiền đề cho sản xuất hàng hoá và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

1.2.2 Cơ sở pháp lý

** Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*

Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, miền, địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), giảm phát thải khí nhà kính... Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu.

** Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.*

“Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích

ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.”

** Tại đại hội lần thứ XVII của tỉnh Hải Dương đã đề ra mục tiêu*

“Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.”

** Đề án “Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” của tỉnh Hải Dương.*

Phương hướng và mục tiêu tổng quát của đề án: “Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ hướng tới nông nghiệp thông minh để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn liền tăng trưởng xanh và chuyển đổi số.

Phấn đấu đến năm 2025 thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.”

** Đề án “Áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp của huyện Ninh Giang, giai đoạn 2020 - 2025”*

“Sản xuất theo hướng chuyên dịch cơ cấu cây trồng, gắn với thị trường tiêu thụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng; phát triển mạnh các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nâng cao giá trị các loại cây trồng.

Duy trì, ổn định, nâng cao hiệu quả các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung đã được phê duyệt; Duy trì và mở rộng các mô hình nuôi thủy sản có năng suất cao áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.”

1.3 Nội dung quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững

1.3.1 Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững

a. Về quy hoạch, kế hoạch phát triển và tổ chức chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Nhà nước cần phải thông qua các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để phát triển kinh tế - xã hội, công việc mà nhà nước cần phải làm đó là xem xét những ngành nào quan trọng để từ đó định hướng ưu tiên phát triển ngành đó, những ngành nào không quan trọng thì cần hạn chế đầu tư để tránh bị tốn kém và lãng phí. Sự khuyến khích của Nhà nước hay không khuyến khích sẽ có những tác động phần nào đó tới việc gia tăng mức tăng trưởng hoặc là kìm hãm một số ngành nghề, lĩnh vực nhất định.

b. Về hệ thống pháp luật, chính sách

- * *Chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp*
- * *Chính sách quản lý đất đai trong nông nghiệp*
- * *Chính sách tiền tệ và tài chính, đầu tư phát triển nông nghiệp*
- * *Chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho nông nghiệp*
- * *Chính sách khoa học và công nghệ*
- * *Chính sách dạy nghề, tạo việc làm cho lao động nông nghiệp*
- * *Chính sách về thị trường tiêu thụ sản phẩm*
- * *Kiến nghị toàn bộ máy quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp*

1.3.2 Tổ chức thực hiện

a. Về quy hoạch

Tổ chức thực hiện quy hoạch các khu, vùng sản xuất nông nghiệp nhất là những diện tích đất nông nghiệp cho năng suất, chất lượng cao để cập nhật

vào Quy hoạch chung của tỉnh, của Quốc gia. Xác định, phát triển các vùng trọng điểm, chuyên canh sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh ở những địa phương có lợi thế để thu hút đầu tư.... Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái dựa trên lợi thế của từng địa phương.

b. Về tổ chức sản xuất

Có chính sách khuyến khích tập trung ruộng đất để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

Đẩy mạnh thực hiện liên kết 4 nhà, trong đó đặc biệt tăng cường mối liên kết bền vững giữa doanh nghiệp – nông dân.

c. Về kỹ thuật và khoa học công nghệ

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Tập trung các lĩnh vực có khả năng tạo đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu; các quy trình canh tác tiên tiến, công nghệ bảo quản sau thu hoạch; xử lý chất thải trong sản xuất nông nghiệp; cải tạo nâng cao chất lượng nguồn nước nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp an toàn.

Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp để giảm công lao động, giảm chi phí, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi.

Đẩy mạnh áp dụng các biện pháp sản xuất nông nghiệp sinh thái bền vững, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, gắn với phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn.

d. Về chuyển đổi số trong nông nghiệp

Thực hiện số hóa cơ sở dữ liệu (theo từng đối tượng cây trồng và vật nuôi; tích hợp các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, đặc điểm nông hóa, thổ nhưỡng, nguồn nước phục vụ sản xuất, tình hình lao động trong nông nghiệp

của địa phương...)

Hỗ trợ đầu tư hạ tầng công nghệ số, áp dụng các phần mềm để quản lý, điều hành, giám sát tổ chức sản xuất, kết nối xúc tiến thương mại, quảng bá, tiêu thụ nông sản.

e. Về vốn đầu tư cho phát triển sản xuất nông nghiệp

Tranh thủ các nguồn kinh phí Trung ương đồng thời ưu tiên vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án của ngành nông nghiệp trên cơ sở đúng mục đích, có hiệu quả.

g. Về nhân lực

Có kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, nhằm nâng cao năng lực tham mưu và tổ chức triển khai các chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn mới.

1.3.3 Thanh tra, kiểm tra, giám sát về hoạt động chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Hàng năm nhà nước xây dựng chương trình, kế hoạch và đột xuất tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Cùng với hoạt động xây dựng, thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật, thì việc định kỳ kiểm tra, đánh giá và tổng kết tình hình thực hiện các chính sách từ những văn bản ban hành, thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành nông nghiệp, sẽ góp phần thiết thực nâng cao hiệu quả công tác xây dựng hệ thống pháp luật của nhà nước đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Theo dõi đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu cơ

quan, đơn vị khi có khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý về thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Tăng cường các hệ thống kiểm nghiệm, kiểm tra, thanh tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm nông, lâm, thủy sản. Chú trọng thanh tra nguyên liệu đầu vào như giống, phân bón, chế phẩm trừ sâu bệnh.

1.4 Kinh nghiệm quản lý về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững ở một số địa phương của Việt Nam, bài học kinh nghiệm rút ra cho huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương.

1.4.1. Kinh nghiệm quản lý của tỉnh Hà Nam

1.4.2. Kinh nghiệm quản lý của Vĩnh Phúc

1.4.3 Bài học kinh nghiệm rút ra cho quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương

Tiểu kết chương 1.

Trong xu thế phát triển hiện nay, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp cũng nằm trong xu hướng phát triển chung và rất cần thiết phải thúc đẩy phát triển. Vì vậy tăng cường quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là nhiệm vụ quan trọng để đưa ngành nông nghiệp phát triển cao hơn trong thời gian tới, đem lại cuộc sống ổn định cho người nông dân.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội huyện Ninh Giang.

2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế, xã hội.

2.2. Thực trạng quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang.

2.2.1 Thực trạng thực thi chiến lược, kế hoạch, chính sách pháp luật trong quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững.

a. Thực thi chiến lược, kế hoạch phát triển nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

b. Thực thi, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

2.2.2. Thực trạng Tổ chức thực hiện quản lý chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang

a. Cơ cấu tổ chức quản lý

Nhìn chung thì bộ máy QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp của huyện Ninh Giang đã được xây dựng thống nhất và hoàn chỉnh, có sự đồng bộ nhất định từ cấp huyện đến cấp xã, thôn. Điểm ưu thế của huyện là việc bố trí địa điểm làm việc của các cơ quan chức năng này tương đối là gần nhau nên cũng đã phần nào tạo ra được những điều kiện thuận lợi trong việc đi lại để trao đổi công tác và liên hệ công việc.

b. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Trong những năm qua, huyện Ninh Giang đã tập trung quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và công chức thực thi nhiệm vụ liên quan đến chuyển dịch CCKT nông nghiệp.

c. Tình hình quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững tại huyện Ninh Giang giai đoạn 2021- 2024

Tỷ lệ nông nghiệp năm 2024 chỉ chiếm hơn 13%, trong khi tỷ trọng

ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ chiếm trên 85%. Đây chính là kết quả của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển kinh tế trên địa bàn huyện chủ yếu do tác động của quá trình thu hút và phát triển công nghiệp từ bên ngoài vào đầu tư phát triển làm gia tăng khối lượng và tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn;

** Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp*

Tỷ trọng lĩnh vực trồng trọt trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp giảm dần qua các năm (từ 44,8% năm 2021 xuống còn 42% năm 2024) thay vào đó là sự tăng trưởng của chăn nuôi - nuôi trồng thủy sản và dịch vụ. Điều này phù hợp với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế nông nghiệp. Sở dĩ tỷ trọng trồng trọt trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp giảm không nhiều là do Ninh Giang được xác định là vùng trọng điểm về an ninh lương thực của tỉnh Hải Dương.

** Diện tích trồng lúa giảm, diện tích trồng các cây khác tăng*

- Trong nội bộ ngành trồng trọt đã diễn ra sự chuyển dịch cơ cấu, giảm tỷ trọng diện tích trồng lúa, tăng tỷ trọng diện tích trồng các loại cây khác theo hướng đa dạng hóa sản phẩm hàng hóa.

Năm 2024 đã xây dựng 80 vùng sản xuất lúa tập trung, với quy mô diện tích 30ha/vùng trở lên; có 88% diện tích gieo cấy các giống lúa lai, lúa chất lượng cao; nhiều giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất; diện tích gieo cấy các giống lúa chất lượng cao được mở rộng; đã có một số mô hình sản xuất cho hiệu quả kinh tế cao. Hệ thống giao thông, thủy lợi tiếp tục được đầu tư, cải tạo, nâng cấp, đảm bảo tốt việc tưới, tiêu phục vụ sản xuất; năng suất lúa bình quân đạt 12,09 tấn/ha/năm.

** Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển*

Đàn gia súc, gia cầm tăng đều qua các năm, cùng với đó là việc kiểm soát tốt dịch bệnh đã nâng cao giá trị chăn nuôi trong tổng giá trị ngành nông

ngiệp. Hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại phát triển mạnh (hết năm 2023, toàn huyện có 156 trang trại, gia trại chăn nuôi gia cầm).

Sản xuất của các trang trại gắn với thị trường tiêu thụ. Thu nhập bình quân của các trang trại đạt khoảng 300 - 500 triệu đồng/năm.

Diện tích, năng suất, sản lượng nuôi thủy sản ổn định qua các năm, tuy nhiên sản lượng thủy sản tăng dần (Từ 6.960 tấn năm 2021 lên 8.048,59 tấn năm 2024).

Phương thức nuôi được các hộ từng bước chuyển từ nuôi tận dụng sang nuôi bán thâm canh, thâm canh cao. Nhiều mô hình nuôi thâm canh đạt năng suất 12 - 15 tấn/ha.

**. Ứng dụng kỹ thuật và khoa học công nghệ, tích tụ ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp là một trong những điều kiện tiên quyết tạo nên thành công chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững*

- Các tiến bộ kỹ thuật mới, khác tiếp tục được áp dụng vào sản xuất góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất lúa trong điều kiện giá vật tư cao, thời tiết cực đoan gia tăng, tiếp tục chuyển dịch lao động thủ công sang cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp tỷ lệ cơ giới hoá các làm đất - gieo cấy - phòng trừ sâu bệnh - thu hoạch lần lượt là 100% - 20,55% - 2% - 99,8%..., Sử dụng phương thức bón phân tổng hợp, phân chuyên dùng, thuốc trừ sâu sinh học nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Việc ứng dụng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao tiếp tục được hình thành và mở rộng:

+ Đến hết năm 2024 trên địa bàn huyện có 70.000 m² rau màu được sản xuất trong nhà màng, nhà lưới với giá trị trung bình đạt 1 - 1,5 tỷ/năm (gấp 8,3 lần so với giá trị sản xuất ngành nông nghiệp); 10 ha rau màu và 90 ha cây ăn quả (vải sớm và ổi) được sản xuất theo quy trình Viet GAP; 88 ha

trồng vải được cấp mã số vùng trồng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường các nước Trung Quốc, Nhật Bản và Úc.

+ Toàn huyện có 47 hộ gia đình tích tụ ruộng đất với quy mô từ 5 ha trở lên, tổng diện tích được tích tụ là 493 ha, những diện tích này được các hộ gieo cấy lúa chất lượng cao và tăng vụ bằng các loại cây rau màu giúp tận dụng tối đa hệ số sử dụng đất cũng như góp phần cải tạo đất.

+ Trong lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản: Nhiều cơ sở chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao tiếp tục được duy trì ổn định đã kiểm soát tốt được dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm hàng năm đều đạt 100% kế hoạch (tiêm phòng vụ xuân và vụ thu trong năm đạt: 26.000 liều dịch tả, tụ máu lợn; 6.200 liều tai xanh; 6.600 liều lở mồm long móng; 2.000 liều tụ huyết trùng trâu bò; 2.800 liều phòng bệnh dại cho đàn chó), không để xảy ra tình trạng phát sinh dịch trên địa bàn. Đã hình thành nhiều mô hình về kinh tế trang trại, mang lại hiệu quả kinh tế cao như mô hình nuôi cá lồng trên sông với tổng số 150 lồng nuôi; mô hình nuôi cá sông trong ao tại xã Đông Xuyên với diện tích 28,86 ha (54 máng nuôi).

2.2.3 Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát quản lý chuyển dịch CCKT nông nghiệp

Công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra trong QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp được thực hiện trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật về chuyển dịch CCKT. Công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra được đẩy mạnh tập trung vào các dự án và công trình lớn về chuyển dịch CCKT nông nghiệp trên địa bàn huyện hiện nay.

Việc đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra trong quản lý nhà nước về chuyển dịch CCKT nông nghiệp đã tạo ra các động lực cho các chủ thể thực hiện các dự án và công trình về chuyển dịch CCKT được tốt hơn.

2.3. Đánh giá hoạt động quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại huyện Ninh Giang

2.3.1. Kết quả đạt được

a) Công tác thực thi quy hoạch, kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Nhìn chung việc quy hoạch chuyển dịch CCKT nông nghiệp của huyện hiện nay là tương đối phù hợp với chính sách, định hướng phát triển chung của cả nước và đặc biệt hơn là tình hình thực tế tại địa phương.

b) Công tác tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chuyển dịch cấu kinh tế nông nghiệp

Tổ chức bộ máy QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp đã được tổ chức theo hướng gọn nhẹ và phù hợp hơn với xu hướng cải cách hành chính hiện nay. Các phòng, ban đã được tinh bố trí và sắp xếp lại một cách khoa học hơn, theo hướng chuyên môn hóa hơn, mỗi bộ phận phụ trách một mảng công tác phù hợp với chuyên môn của mình, từ đó giúp nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả của công việc cũng được nâng lên rất nhiều. Cơ cấu tổ chức đã được huyện xây dựng một cách đồng bộ, thống nhất từ cấp huyện đến cấp xã.

c). Công tác thực hiện các chính sách quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Các chương trình, hoạt động hỗ trợ chuyển dịch CCKT nông nghiệp đã được huyện triển khai thực hiện một cách nhanh chóng nhất và cũng đã mang lại được những kết quả nhất định. Với chính sách khuyến khích đầu tư và thực hiện công tác mời gọi các nhà đầu tư cũng đã phần nào huy động được các nguồn lực trong xã hội, các thành phần kinh tế hỗ trợ tích cực cho quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp trên địa bàn huyện.

d) Công tác cải cách thủ tục hành chính về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Trong quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp, hệ thống thể chế hành chính của huyện hiện nay đã thể hiện rõ các bước phát triển cải cách theo hướng tích cực và phù hợp hơn với tình hình thực tế của địa phương. Những thủ tục hành chính liên quan đến chuyển dịch CCKT nông nghiệp đã được cải tiến, chuẩn hóa theo hướng ngày càng gọn nhẹ, đơn giản.

2.3.2. Những hạn chế

Thứ nhất, Công tác lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch vẫn đang còn nhiều lúng túng, bất cập.

Thứ hai, Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức còn hạn chế.

Thứ ba, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý và các đơn vị hoạt động về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp chưa thực sự đạt hiệu quả. Việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý và các đơn vị hoạt động và QLNN về việc chuyển dịch CCKT nông nghiệp chưa tạo ra được sự thống nhất và gắn kết chặt chẽ nhất. Những cố gắng đổi mới bộ máy quản lý của tỉnh được thể hiện như: Cải cách hành chính, củng cố và sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ, công chức chưa thật sự mang lại hiệu quả như mong muốn.

Thứ tư, hạn chế trong công tác thanh tra, kiểm tra công tác chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

a) Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Nhận thức của một số lãnh đạo đơn vị, địa phương về chuyển dịch CCKT nông nghiệp thiếu đầy đủ, chưa sâu sắc.

- Đầu tư cho nông nghiệp đã có xu hướng tăng nhưng còn hạn chế, chưa tương xứng với vai trò của ngành nông nghiệp. Việc phân bổ vốn đầu tư công trong nội bộ ngành nông nghiệp chưa cân đối, tập trung chủ yếu cho hạ tầng cơ bản có tính chất phi sản xuất hoặc thủy lợi.

- Hạn chế của đội ngũ cán bộ quản lý của huyện.
- Cải cách hành chính chậm, quản lý nhà nước còn nhiều bất cập
- Việc áp dụng khoa học - công nghệ chưa phổ biến

b) Nguyên nhân khách quan

- Điều kiện tự nhiên nhiều bất ổn
- Thách thức của Hội nhập kinh tế Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng đem lại nhiều thách thức đối với nông nghiệp Việt Nam ...
- Trình độ của người dân đã đang được nâng cao tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển dịch CCKT, đặc biệt trong việc tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Tiểu kết chương 2

Trong thời gian qua huyện cũng đã chú trọng đến công tác chuyển dịch CCKT nông nghiệp, thực hiện đồng bộ các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao giá trị sản xuất hoạt động nông nghiệp. Các kết quả đạt được đã và đang đưa nền kinh tế của huyện phát triển một cách đáng kể và nâng cao đời sống cho người dân trên địa bàn huyện. Tuy nhiên hoạt động QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp trên địa bàn huyện chưa đạt được kết quả như mong đợi dựa trên tiềm năng vốn có của mình.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI HUYỆN NINH GIANG TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1 Phương hướng, chiến lược chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững của Quốc gia, tỉnh Hải Dương, huyện Ninh Giang.

3.1.1 Phương hướng, chiến lược chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững của Quốc gia

3.1.2 Phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương

3.1.3 Phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững của huyện Ninh Giang

3.2 Giải pháp hoàn thiện quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang

3.2.1 Nhóm Giải pháp về quy hoạch, kế hoạch

Tập trung rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để cơ cấu lại quỹ đất, cơ cấu lại sản phẩm, trong đó chú trọng đến tính kết nối vùng, liên vùng, tích tụ ruộng đất, tạo quỹ đất thu hút đầu tư của doanh nghiệp và quỹ đất dành cho các hoạt động ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

3.2.2 Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

*** Giải pháp về nhân lực**

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các cơ quan chuyên môn để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn theo định hướng tái cơ cấu ngành. Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ quản lý Nhà nước, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, nhằm nâng cao năng lực tham mưu và tổ chức triển khai các chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn.

*** Giải pháp về ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất**

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất

+ Đưa các giống lúa mới năng suất, chất lượng cao thời gian sinh trưởng ngắn vào sản xuất phục vụ cho cơ cấu mùa vụ đảm bảo năng suất và hiệu quả 2 vụ lúa.

+ Thúc đẩy cơ giới hoá gắn với việc giảm giá thành sản xuất, chú trọng việc chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người nông dân nhằm đẩy nhanh việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất.

+ Xây dựng hệ thống tự động hóa trong lĩnh vực thủy sản.

+ Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật sản xuất của từng loại cây, đào tạo huấn luyện áp dụng phương pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, để người nông dân có đủ hiểu biết đầu tư phát triển sản xuất.

+ Củng cố và phát triển các tổ chức dịch vụ nông nghiệp phục vụ cho phát triển sản xuất đi kèm với cơ chế kiểm tra nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp.

+ Liên kết với các cơ sở sản xuất giống uy tín, đảm bảo thương hiệu để áp dụng có chọn lọc những kết quả nghiên cứu về lai tạo giống mới có giá trị kinh tế cao, thích nghi với điều kiện của địa phương.

*** Giải pháp về vốn**

- Tăng cường tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh; đầu tư của huyện và cơ sở về giống, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án của ngành nông nghiệp trên cơ sở đúng mục đích, có hiệu quả.

*** Giải pháp về đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp**

Ưu tiên đầu tư thích hợp về cơ sở hạ tầng để phục vụ sản xuất, nhất là những vùng sản xuất hàng hoá tập trung, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo hướng an toàn và những vùng chuyên canh để phát triển sản xuất theo hướng bền vững.

*** Giải pháp về bảo vệ môi trường**

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong việc sản xuất nông nghiệp phải đi đôi với bảo vệ môi trường, giúp nâng cao tính thích ứng với những biến đổi xấu của khí hậu; Khuyến khích người dân sử dụng các chế phẩm sinh học, thân thiện với môi trường.

3.2.3 Nhóm giải pháp về kiểm tra giám sát.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện đề án, chương trình, kế hoạch của tỉnh, của huyện đối với các chi, đảng bộ, HĐND, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức hội đoàn thể hai cấp huyện trong quá tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nhằm kịp thời phát hiện, phản ánh cho cấp có thẩm quyền những vấn đề chưa phù hợp hoặc có biểu hiện sai trái trong quá trình triển khai thực hiện.

Tiểu kết chương 3

Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp, học viên đã đưa ra hệ thống các giải pháp và được nhóm thành các nhóm giải pháp cơ bản nhằm thực hiện phương hướng đã đặt ra. Các giải pháp này là một chuỗi hệ thống có mối liên hệ mật thiết với nhau, do đó để thực sự phát huy hết hiệu quả chúng cần được tiến hành thực hiện đồng bộ trên cơ sở nhận thức toàn diện và đúng đắn về tình hình thực tiễn của địa phương cũng như của cả nước, góp phần nâng cao hiệu quả công tác QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

KẾT LUẬN CHUNG

Trải qua quá trình dài thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng và có ý nghĩa lịch sử. Nền kinh tế nước ta đạt tốc độ tăng trưởng cao và liên tục trong nhiều năm trở lại đây, hạ tầng nông thôn ngày càng phát triển, đời sống của nhân dân ngày càng được nâng lên.

Những thành tựu đó xuất phát từ quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế hợp lý, đúng đắn của Nhà nước, nhất là trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khẳng định đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã triển khai nhiều cơ chế chính sách có tính đột phá như cơ chế khoán, phát triển kinh tế nông hộ, đổi mới mô hình sản xuất.

Thực hiện những chủ trương đó, huyện Ninh Giang đã, đang và không ngừng phấn đấu đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, biến những đặc điểm tự nhiên vốn có trở thành thế mạnh riêng có của huyện. Đặc biệt trong những năm gần đây đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tăng cường tập trung vào những điểm mạnh, tăng cường chuyên canh, sản xuất theo hướng dịch vụ hàng hóa. Điều này đã đưa kinh tế - xã hội của huyện Ninh Giang có sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện. Cơ cấu kinh tế đã có những bước chuyển biến tích cực, từ một huyện thuần nông đã chuyển sang cơ cấu kinh tế mới là công nghiệp - dịch vụ - du lịch - nông nghiệp. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày một nâng cao

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững là giải pháp quan trọng để tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói chung và huyện Ninh Giang nói riêng.